

Những ưu điểm chính của Prevectron®

- Vận hành hoàn toàn tự động
- Hoàn toàn đáng tin cậy, kể cả trong những điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất
- Thiết kế đã được chứng minh là vững chắc có thể chịu được nhiều loại sét đánh
- Kim thu sét chỉ hoạt động khi điện trường tăng lên (khi có khả năng phóng tia sét), PREVECTRON®2 ngăn chặn mọi nguy hiểm cho công trình
- Lắp đặt và bảo trì đơn giản bằng các dụng cụ đặc biệt do [INDELEC](#) chế tạo, gồm phần mềm tính toán bảo vệ, bộ đếm sét và bộ kiểm tra PREVECTRON®
- Sẵn sàng cung cấp kết quả thử nghiệm trong phòng thí nghiệm với điện áp cao nếu yêu cầu
- Sẵn sàng cung cấp kết quả kiểm tra trong thực tế và báo cáo khoa học nếu yêu cầu
- Đầu thu sét tối an toàn vì có sự tiếp nối điện liên tục từ đầu thu tới điểm trên mặt đất
- Quy trình chế tạo theo tiêu chuẩn [ISO 9001-2000](#) (chứng nhận #116884)

Đặc điểm của Prevectron®

5 model (đời, mẫu) Prevectron2® với những tiến bộ kỹ thuật mới nhất: đầu thu lõi chính tâm, điện cực trên làm bằng đồng mạ crom, chóp trong mờ màu xanh dương mới gồm thiết bị cách điện cực trên và lớp phủ màu xanh dương mới bao ngoài điện cực dưới làm bằng thép không gỉ.

Phiên bản Thiên niên kỷ: Phiên bản mới nhất được chế tạo đặc biệt để chống chịu các điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhất (ấm ướt, nóng).



Prevectron®2 S6.60
Đường kính.185mm -Cao = 385mm
mm



Prevectron®2 S4.50
Đường kính.185mm - Cao = 385mm



Prevectron®2 S3.40
Đường kính.185mm - Cao = 385



Prevectron®2 - TS3.40
Đường kính. 100 mm - Cao = 330 mm



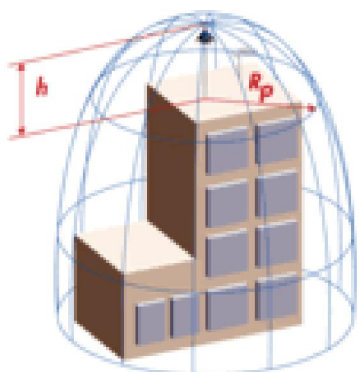
Prevectron®2 TS2.25
Đường kính. 100 mm - Cao = 330 mm

Bán kính bảo vệ

Bán kính bảo vệ (Rp) của kim thu sét Prevectron®2 được tính theo công thức chuẩn NF C 17-102 (Tháng 7/1995). Bán kính này phụ thuộc vào nhiều thông số:

- Kích hoạt sớm (đón đầu) Prevector® T (xem tóm tắt thử nghiệm Prevector® trong phòng thí nghiệm điện thế cao) cho phép tính ΔL theo công thức: $\Delta L \text{ (m)} = \Delta T(\mu s)$
- Cấp bảo vệ I, II hay III được chọn để lắp đặt tùy theo độ rủi ro của sét (NF C 17-102, Phụ lục B)
- Chiều cao thực cột thu lôi trên bề mặt được bảo vệ: h

Protection Level I : D = 20m					
Cao (m)	2	3	4	5	10
S 6.60	31	47	63	79	79
S 4.50	27	41	55	68	69
S 3.40	23	35	46	58	59
TS 3.40	23	35	46	58	59
TS 2.25	17	24	34	42	44
Protection Level II : D = 30m					
Cao (m)	2	3	4	5	10
S 6.60	34	52	68	86	88
S 4.50	30	45	60	76	77
S 3.40	26	39	52	65	67
TS 3.40	26	39	52	65	67
TS 2.25	19	29	39	49	51
Protection Level III : D = 45m					
Cao (m)	2	3	4	5	10
S 6.60	39	58	78	97	99
S 4.50	34	52	69	86	88
S 3.40	30	45	60	75	77
TS 3.40	30	45	60	75	77
TS 2.25	23	34	46	57	61
Protection Level IV : D = 60m					
Cao (m)	2	3	4	5	10
S 6.60	43	64	85	107	109
S 4.50	38	57	76	95	98
S 3.40	33	50	67	84	87
TS 3.40	33	50	67	84	87
TS 2.25	26	39	52	65	69



$R_p = \sqrt{(h(2D-h) + \Delta L(2D + \Delta L))}$ khi $h > 5m$. Khi $h < 5m$, xem các bảng trên.

$D = 20, 45$ hoặc 60 tùy thuộc vào Cấp bảo vệ yêu cầu.

h = chiều cao thực (m) của PREVECTRON® trên bề mặt được bảo vệ.

$\Delta L = 106\Delta T$